

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê Đình H, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Thôn M, xã Thanh M, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 19xy. Địa chỉ: Thôn M, xã Thanh M, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình H.

2.2. Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Đình Anh T, sinh ngày 08/02/2012; Lê Thị Vân A, sinh ngày 23/12/2017 và Lê Thị Vân Tr, sinh ngày 14/12/2020. Ly hôn giao cháu Lê Đình Anh T và cháu Lê Thị Vân A cho anh Lê Đình H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Thị Vân Tr cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Đình H có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi cháu Lê Thị Vân Tr mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu), kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Lê Thị V Tr đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về chia tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011810, ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA DS. H/Thanh Chương
- Các đương sự
- UBND xã Thanh M
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Phan Ngọc Anh